



Tuần 50 (12/12-16/12/22) BSC WEEKLY REVIEW

***Cập nhật danh mục
ETF FTSE Vietnam và ETF VNM
Quý 4 năm 2022***



NỘI DUNG

- 1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI:** *Đà tăng chứng trước áp lực chốt lãi, dòng tiền tìm cơ hội vận động luân chuyển nhanh*
- 2. CHUYÊN MỤC TUẦN:** *Cập nhật danh mục ETF FTSE Vietnam và ETF VNM Quý 4 năm 2022*
- 3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ:** *SBV bơm ròng tiền qua OMO*
- 4. PTKT VN-INDEX:** *Áp lực chốt lãi mạnh, VN-Index hình thành vùng tích lũy quanh 1,050 điểm củng cố nhịp hồi phục*
- 5. TIN VĨ MÔ:** *Tăng chỉ tiêu tín dụng thêm 1.5 – 2% cho cả năm 2022*
- 6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG:** *Du lịch và giải trí 6.00%*
- 7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG**

CHIẾN THUẬT TUẦN: Đà tăng chứng trước áp lực chốt lãi, dòng tiền tìm cơ hội vận động luân chuyển nhanh

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1051.81	-2.61%
GTGD/phiên (tỷ VND)	15,589.91	-3.40%
Khối ngoại (tỷ VND)	4198.20	
HNX-INDEX	217.00	-1.35%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1754.64	20.90%
Khối ngoại (tỷ VND)	153.17	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	3934.38	-0.73%	-3.37%	-0.56%
EU (EURO STOXX)	3942.62	0.54%	-0.89%	1.92%
China (SHCOMP)	3206.95	0.30%	0.30%	3.88%
Japan (NIKKEI)	27901.01	1.18%	0.44%	1.66%
Korea (KOSPI)	2389.04	0.76%	-1.25%	-3.79%
Singapore (STI)	3245.97	0.31%	-0.40%	0.55%
Thailand (SET)	1623.13	0.16%	-1.54%	0.24%
Phillipines (PCOMP)	6580.12	0.84%	-2.30%	5.42%
Malaysia (KLCI)	1477.19	0.77%	-0.31%	2.14%
Indonesia (JCI)	6715.12	-1.31%	-4.34%	-5.28%
Vietnam (VNIndex)	1051.81	0.12%	-2.61%	10.19%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2212	1070.00	0.46%	54,902	45,503
VN30F2301	1060.30	-0.45%	91	324
VN30F2203	1043.00	-2.07%	591	6,727
VN30F2206	1048.40	-1.57%	57	422

TTCK VIỆT NAM

Thị trường điều chỉnh sau tuần tăng mạnh, xu hướng vận động ngành rõ rệt

VN-Index thoái lui -2.6% trước áp lực chốt lãi sau khi đã tăng mạnh 11.1% tuần trước đó, qua đó tạm dừng chuỗi tăng điểm 3 tuần liên tiếp. Thị trường có sự phân hóa với 143 cổ phiếu tăng/240 cổ phiếu giảm và 5/19 ngành tăng điểm. Dòng tiền tuần qua vận động nhanh qua các nhóm cổ phiếu Dầu khí, Hóa chất, Thủy Sản, Chứng khoán, Xây dựng giúp các cổ phiếu ngành tăng mạnh trong 1 phiên nhưng chịu áp lực chốt lãi mạnh tại các ngành Bất động sản, Ngân hàng, Thực phẩm đồ uống. Khối ngoại duy trì đà mua ròng khoảng 138 triệu USD, hỗ trợ VN-Index nhanh chóng ổn định sau phiên chốt lãi mạnh và tích lũy quanh 1,050 điểm. Như nhận định tuần trước, chúng tôi cho rằng NĐT có thể tiếp tục canh mua ở vùng thấp tại những phiên rung lắc để tận dụng vận động luân chuyển của tiền và chủ động cho việc trading khi chỉ số tiến tới các vùng điểm cao mới sau nhịp tích lũy.

NHNN đã nới hạn mức tín dụng tăng thêm 1.5% - 2% so với mục tiêu 14% xây dựng từ đầu năm. Mặc dù còn 1 tháng hết năm 2022, việc điều chỉnh này củng cố niềm tin doanh nghiệp để mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất vào dịp Tết qua đó tạo nền tảng cho tăng trưởng và phát triển trọng năm 2023. Theo đại diện NHNN có những thời điểm SBV điều chỉnh các công cụ chính sách như lãi suất, tỷ giá, hạn mức tín dụng không ngoài mục tiêu thực hiện mục tiêu kép gồm ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm hãm lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng. Theo chúng tôi NHNN mở lại room tăng trưởng cho thấy SBV đã chuyển trạng thái từ việc chạy theo đối phó với biến động thị trường thế giới tác động lên tỷ giá, lãi suất và tạo áp lực lạm phát sang chủ động điều hành hỗ trợ tăng trưởng khi bối cảnh ổn định các yếu tố trên không còn áp lực. Đây là tín hiệu cực cho Doanh nghiệp, nền kinh tế qua đó dần hồi phục lại các kênh đầu tư.

TTCK THẾ GIỚI

Giá dầu lao dốc về mức thấp nhất trong năm bất chấp thông tin Trung Quốc thay đổi chính sách chống Covid và G7 áp trần giá dầu Nga

Các chỉ số CK Hoa Kỳ có nhịp thoái lui gần 2.5% khi NĐT đánh giá lại khả năng suy thoái kinh tế và hành động FED trong khi chờ các dữ liệu mới về PPI tháng 11 và tâm lý tiêu dùng 9/12 và CPI 13/12 tới. Các thị trường CK chủ chốt và TTCK Châu Á đều giảm điểm ngoại trừ Trung Quốc tăng 1.6% nhờ tín hiệu tích cực nới lỏng kiểm soát covid. Trên thị trường tiền tệ, USD Index tăng 0.2%, kết thúc 3 tuần giảm điểm. USD tăng giá so nhiều đồng nội tệ dù vậy VND là ngoại lệ khi tăng 3.4%. Thị trường hàng hóa cũng biến động khá mạnh trong tuần qua với mức giảm -2.8%, dẫn đầu là mức giảm trên 10% của dầu thô và gas. Giá dầu giảm do lo ngại triển vọng suy thoái các nền kinh tế chủ chốt lẫn ạt các thông tin hỗ trợ. Quặng sắt là một trong mặt hàng đi ngược chiều xu hướng hàng hóa khi ghi nhận mức tăng gần 25% trong vòng 1 tháng. Trong tuần tới, NĐT đón nhận thông tin quan trọng về CPI tháng 11 và sau đó là quyết định chính sách FED.

Trung Quốc tiến gần đến việc chấm dứt hoàn toàn chính sách chống Covid hà khắc qua các chính sách công bố 7/12, theo đó người không có triệu chứng, hoặc chỉ có triệu chứng nhẹ về hô hấp sẽ được phép cách ly tại nhà chứ không bị bắt buộc vào các cơ sở cách ly của Chính Phủ. Các hình thức kiểm soát đi lại cũng sẽ được gỡ bỏ, các biện pháp xét nghiệm PCR chỉ áp dụng khu vực nhà dưỡng lão, bệnh viện và trường học. Trước đó, mặc dù các ca nhiễm mới tại Trung Quốc duy trì ở mức đỉnh mới, Bắc Kinh, Thâm Quyển và một số thành phố khác đã chính thức nới lỏng kiểm soát Covid. Thị trường tài chính trước đó đã phản ứng tích cực với thông tin nới lỏng khi NĐT vượt ngưỡng 7 NĐT/USD và các TTCK hồi phục. Vậy là sau 3 năm chống dịch nghiêm ngặt, Trung Quốc đang có những chuyển biến sẵn sàng sống chung với dịch như các quốc gia trên thế giới khác.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng



CHUYÊN MỤC TUẦN: Cập nhật danh mục ETF FTSE Vietnam và ETF VNM Quý 4 năm 2022

Ngày 02/12/2022, FTSE đã công bố danh mục FTSE Vietnam All-share và FTSE Vietnam Index, theo đó:

- FTSE đã thêm 03 cổ phiếu EIB, NT2, SAB và loại bỏ cổ phiếu: BCG, ITA, NKG ra khỏi danh mục FTSE Vietnam All-share đồng thời không thêm mới cũng như loại bỏ cổ phiếu nào trong bộ chỉ số FTSE Vietnam Index;

Ngày 09/12/2022, MVIS cũng đã công bố danh mục điều chỉnh – cơ sở ETF VNM thực hiện tham chiếu, theo đó:

- Quỹ không thêm mới cổ phiếu nào, đồng thời loại bỏ 04 cổ phiếu bao gồm: BCG, DXG, ITA, THD, như vậy sau kỳ review danh mục Quý 4/2022, danh mục MVIS-Vietnam Index bao gồm 54 cổ phiếu trong đó có 40 cổ phiếu Việt Nam (tỷ trọng 73.76%) và 14 cổ phiếu nước ngoài (tỷ trọng 26.24%). Nhóm phân tích BSC đã dự báo chính xác 3/4 cổ phiếu bị loại, đối với 1 số cổ phiếu còn lại do sự sai lệch về tỷ lệ free-float và thời điểm cập nhật dữ liệu đã nằm ngoài dự báo so với danh mục MVIS công bố.

Ngày 16/12/2022, 02 quỹ ETF tham chiếu tương ứng theo 2 bộ chỉ số sẽ hoàn thành việc cơ cấu danh mục.

Trên cơ sở đó, danh mục Quỹ ETF VNM và FTSE Vietnam dự kiến thay đổi đối với các cổ phiếu Việt Nam như sau:

STT	Mã CK	MVIS Vietnam				FTSE Vietnam				Tổng		
		Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Giá trị thay đổi (Tr USD)	SLCP mua/bán (+/-)	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Giá trị thay đổi (Tr USD)	SLCP mua/bán (+/-)	Giá trị thay đổi (Tr USD)	SLCP mua/bán (+/-)	Ghi chú
1	VIC	8.02%	8.00%	(-0.08)	(-28,971)	15.35%	15.00%	(-0.97)	(-336,779)	(-1.05)	(-365,750)	
2	VHM	8.27%	8.00%	(-1.12)	(-490,144)	13.02%	13.57%	1.51	659,513	0.39	169,369	
3	VNM	7.21%	7.00%	(-0.87)	(-257,802)	10.65%	11.00%	0.98	289,063	0.11	31,260	
4	HPG	4.26%	5.63%	5.70	7,019,441	10.07%	10.10%	0.09	112,045	5.79	7,131,486	
5	MSN	7.88%	4.95%	(-12.17)	(-2,965,807)	11.38%	10.22%	(-3.19)	(-778,768)	(-15.36)	(-3,744,574)	
6	VCB	4.82%	4.08%	(-3.08)	(-940,848)	5.31%	5.62%	0.86	262,967	(-2.22)	(-677,881)	
7	SSI	2.58%	3.25%	2.79	3,262,680	4.00%	3.47%	(-1.46)	(-1,701,885)	1.34	1,560,795	
8	NVL	1.58%	2.60%	4.25	6,039,792	2.03%	2.14%	0.30	419,798	4.55	6,459,590	
9	VND	1.84%	2.36%	2.15	3,285,494	1.70%	1.55%	(-0.41)	(-620,783)	1.75	2,664,711	
10	SAB	1.51%	2.10%	2.45	325,991	0.00%	0.00%	0.00	0	2.45	325,991	
11	VRE	3.46%	2.09%	(-5.71)	(-4,670,606)	5.92%	4.95%	(-2.68)	(-2,190,665)	(-8.39)	(-6,861,271)	
12	DGC	1.12%	1.48%	1.50	558,570	2.13%	2.38%	0.70	261,630	2.21	820,200	
13	VJC	1.03%	1.37%	1.40	295,889	3.33%	4.97%	4.53	960,710	5.92	1,256,598	
14	VCI	0.96%	1.34%	1.57	1,398,518	1.43%	1.33%	(-0.26)	(-235,564)	1.31	1,162,954	
15	SHB	1.11%	1.29%	0.75	1,671,521	0.00%	0.00%	0.00	0	0.75	1,671,521	
16	VHC	0.84%	1.21%	1.53	516,584	0.00%	0.00%	0.00	0	1.53	516,584	
17	VPI	0.82%	1.15%	1.39	559,205	0.00%	0.00%	0.00	0	1.39	559,205	
18	KBC	0.75%	0.99%	1.01	1,006,945	1.51%	1.50%	(-0.03)	(-28,218)	0.98	978,727	



CHUYÊN MỤC TUẦN: Cập nhật danh mục ETF FTSE Vietnam và ETF VNM Quý 4 năm 2022

STT	Mã CK	MVIS Vietnam				FTSE Vietnam				Tổng		
		Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Giá trị thay đổi (Tr USD)	SLCP mua/bán (+/-)	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Giá trị thay đổi (Tr USD)	SLCP mua/bán (+/-)	Giá trị thay đổi (Tr USD)	SLCP mua/bán (+/-)	Ghi chú
19	GEX	0.70%	0.96%	1.07	1,576,554	1.23%	1.34%	0.32	469,781	1.38	2,046,335	
20	DPM	0.88%	0.94%	0.26	145,436	1.24%	1.24%	0.01	6,751	0.28	152,187	
21	POW	0.69%	0.94%	1.03	2,180,264	0.97%	0.86%	(-0.30)	(-624,213)	0.74	1,556,052	
22	IDC	0.76%	0.91%	0.63	401,019	0.00%	0.00%	0.00	0	0.63	401,019	
23	DIG	0.70%	0.86%	0.65	811,527	0.87%	1.05%	0.50	622,419	1.16	1,433,946	
24	BVH	0.47%	0.85%	1.59	785,374	0.00%	0.00%	0.00	0	1.59	785,374	
25	SBT	0.53%	0.83%	1.24	2,199,213	0.00%	0.00%	0.00	0	1.24	2,199,213	
26	PDR	0.58%	0.78%	0.82	1,171,806	1.00%	0.73%	(-0.75)	(-1,072,731)	0.07	99,075	
27	KDC	0.51%	0.75%	1.01	387,652	0.00%	0.00%	0.00	0	1.01	387,652	
28	HAG	0.55%	0.73%	0.76	1,902,788	0.00%	0.00%	0.00	0	0.76	1,902,788	
29	VIX	0.49%	0.68%	0.77	2,154,316	0.00%	0.00%	0.00	0	0.77	2,154,316	
30	PVS	0.71%	0.66%	(-0.22)	(-222,817)	0.00%	0.00%	0.00	0	(-0.22)	(-222,817)	
31	PVD	0.62%	0.56%	(-0.26)	(-365,414)	0.80%	0.77%	(-0.08)	(-114,311)	(-0.34)	(-479,724)	
32	SHS	0.42%	0.55%	0.54	1,376,429	0.00%	0.00%	0.00	0	0.54	1,376,429	
33	KDH	1.42%	0.55%	(-3.62)	(-2,846,079)	0.00%	0.00%	0.00	0	(-3.62)	(-2,846,079)	
34	HSG	0.43%	0.55%	0.48	879,388	0.63%	0.70%	0.20	357,758	0.68	1,237,146	
35	VCG	0.46%	0.54%	0.32	415,157	0.79%	0.58%	(-0.59)	(-771,048)	(-0.27)	(-355,891)	
36	HUT	0.42%	0.53%	0.46	588,729	0.00%	0.00%	0.00	0	0.46	588,729	
37	HNG	0.33%	0.46%	0.53	2,657,271	0.00%	0.00%	0.00	0	0.53	2,657,271	
38	HDG	0.37%	0.43%	0.27	196,607	0.00%	0.00%	0.00	0	0.27	196,607	
39	STB	1.67%	0.42%	(-5.19)	(-5,479,408)	2.33%	2.78%	1.24	1,311,385	(-3.95)	(-4,168,024)	
40	TCH	0.30%	0.39%	0.39	1,291,400	0.43%	0.43%	0.00	15,971	0.39	1,307,371	
41	BCG	0.24%	0.00%	(-1.00)	(-3,089,800)	0.00%	0.00%	0.00	0	(-1.00)	(-3,089,800)	MVIS loại
42	DXG	0.24%	0.00%	(-1.00)	(-1,649,200)	0.79%	0.79%	0.01	9,862	(-0.99)	(-1,639,338)	MVIS loại
43	ITA	0.26%	0.00%	(-1.08)	(-5,075,200)	0.00%	0.00%	0.00	0	(-1.08)	(-5,075,200)	MVIS loại
44	THD	0.86%	0.00%	(-3.57)	(-1,979,200)	0.00%	0.00%	0.00	0	(-3.57)	(-1,979,200)	MVIS loại
45	PLX	0.00%	0.00%	0.00	0	1.09%	0.90%	(-0.54)	(-418,371)	(-0.54)	(-418,371)	

*Dữ liệu cập nhật tại ngày 09/12/2022

Nguồn: BSC Research



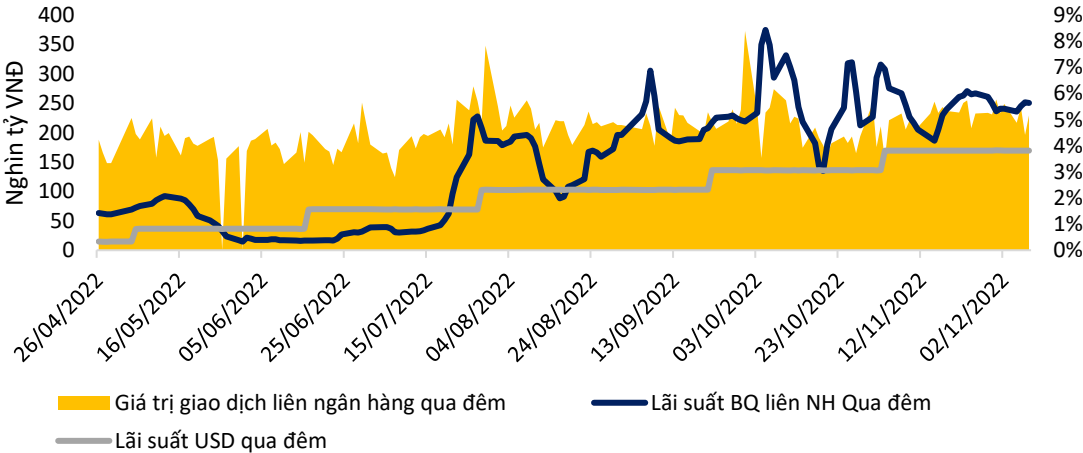
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 42	17/10/2022	21/10/2022	128,158.84	5,386.53	-122,772.31
Tuần 43	24/10/2022	28/10/2022	117,298.82	163,374.26	46,075.44
Tuần 44	31/10/2022	4/11/2022	57,175.16	131,273.45	74,098.29
Tuần 45	7/11/2022	11/11/2022	48,679.93	43,028.10	-5,651.83
Tuần 46	14/11/2022	18/11/2022	98,174.75	43,563.11	-54,611.64
Tuần 47	21/11/2022	25/11/2022	23,028.50	29,408.00	6,379.50
Tuần 48	28/11/2022	2/12/2022	43,563.11	45,660.68	2,097.57
Tuần 49	5/12/2022	9/12/2022	29,408.00	37,604.35	8,196.35

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	5.54%	6.35%	6.29%	8.47%	10.99%	10.21%	8.50%
So với tuần trước	0.00%	0.26%	-0.70%	-0.70%	0.53%	0.38%	0.00%
KLGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	221,558	7,389	2,963	2,038	714	461	100
So với tuần trước	-7.98%	-18.24%	-0.04%	108.93%	-30.60%	-15.07%	0.00%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 08/12/2022

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 49, 0 đồng giá trị tín phiếu được phát hành, ngoài ra SBV thực hiện mua 37.6 nghìn tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng kết lại, SBV đã bơm ròng 8.2 nghìn tỷ đồng qua OMO. Thanh khoản giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm giảm trong tuần 49.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 5.54%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 221.56 nghìn tỷ VNĐ



PTKT VN-INDEX: Áp lực chốt lãi mạnh, VN-Index hình thành vùng tích lũy quanh 1,050 điểm củng cố nhịp hồi phục

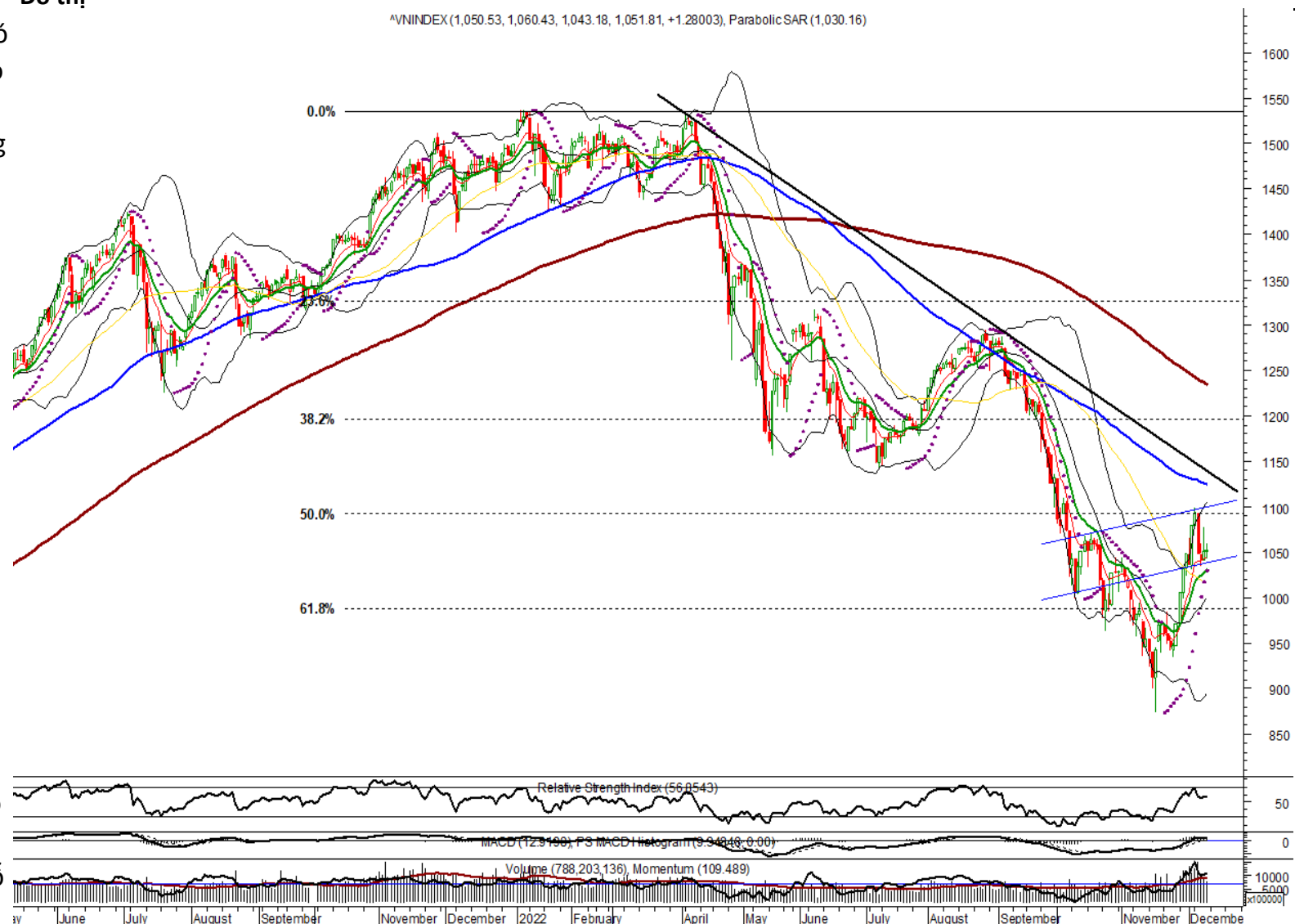
Đồ thị ngày: Sau phiên chạy đà cuối tuần trước, VN-Index vẫn duy trì đà tăng điểm phiên đầu tuần trước khi gặp áp lực chốt lãi mạnh qua đó hình thành mẫu nến evening star. Dù vậy nhịp thoái lui không mạnh do áp lực bán không thể duy trì tạo điều kiện cho VN-Index tích lũy trên 1,050 điểm với 3 cây nến doji. Các chỉ báo kỹ thuật trên mức trung bình và chỉ số quay lại dải bollinger sau một đợt tăng trưởng nóng. Thanh khoản giảm ở nhịp chỉnh và duy trì ở mức tốt so với vùng đáy cũng như chưa xuất hiện tín hiệu đảo chiều. VN-Index cũng giữ trên đường trung bình SMA50 cho thấy xu hướng hồi phục vùng đáy vẫn đang được duy trì.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm từ 65 xuống 56.
- MACD vượt trên mức 0 và mở rộng khoảng cách so với đường tín hiệu. Thanh khoản giảm sau những phiên chốt lãi.
- VN-Index vượt SMA20, 50 và dưới SMA100 đồ thị ngày.

Nhận định: VN-Index có phiên rung lắc và chốt lãi rõ rệt trong phiên 12/6. Đây là hiện tượng thường thấy sau một nhịp tăng mạnh, các tín hiệu tăng trưởng nóng xuất hiện với dải bollinger band và góc đồ thị trên 30 độ. Chỉ số sau đó củng cố đà tăng hiện tại thông qua biến động tích lũy quanh 1,050 điểm với sự luân chuyển dòng tiền qua một số ngành vừa giữ dòng tiền và tạo sự đồng thuận trước khi khởi động cho nhịp tăng mới. VN-Index vẫn đang còn dư địa tăng hướng tới ngưỡng 1,100 và 1,150 điểm trong vài tuần tới khi duy trì được trên ngưỡng hỗ trợ 1,020 – 1,032 điểm trong vài tuần tới.

Đồ thị



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: *Tăng chỉ tiêu tín dụng thêm 1.5 – 2% cho cả năm 2022*

VIỆT NAM:

- Chính phủ: có Quyết định số 1513/QĐ-TTg giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023 cho các bộ, cơ quan Trung ương và UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương.
- Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì họp Thường trực Chính phủ với một số bộ, ngành về chính sách kinh tế vĩ mô, tài khóa, tiền tệ.
- Chính phủ: trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).
- Bộ Tài chính: giá cả có xu hướng tăng nhẹ trở lại trong quý 4 do nhu cầu mua sắm của người dân vào dịp cuối năm và Tết Nguyên đán Quý Mão 2023 tăng cao.
- Bộ Tài chính: đề xuất ba hình thức quản lý, khai thác nhà đất không sử dụng để ở.
- Bộ Tài chính: đề xuất tiếp tục áp dụng mức giá sàn trong khung thuế trong cả năm 2023 thay vì kiến nghị áp dụng thuế suất linh hoạt 4 mức thuế tùy theo diễn biến giá dầu thô thế giới.
- NHNN: tăng chỉ tiêu tín dụng thêm 1.5 – 2% cho cả năm 2022. Như vậy, thay vì định hướng tăng trưởng tín dụng 14%, mức tăng trưởng tín dụng năm 2022 sẽ được nới lên mức 15.5 - 16%.
- Thống đốc NHNN: ban hành Thông tư số 16/2022/TT-NHNN quy định việc lưu ký và sử dụng giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- NHNN: ban hành Thông tư 15/2022/TT-NHNN quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.
- NHNN: đang phát đi tín hiệu sẵn sàng tạo điều kiện bằng các nguồn lực vốn dài hạn cho các ngân hàng thương mại sau động thái nới "room" qua việc kéo dài kỳ hạn thị trường mở lên 91 ngày.
- KBNN: 11T2022 đã phát hành hơn 182 nghìn tỷ đồng trái phiếu Chính phủ, đạt 45.6% kế hoạch Bộ giao và 84.75% kế hoạch dự kiến điều chỉnh.
- Tổng cục Thuế: lũy kế 11T2022 các khoản thu từ nhà, đất vẫn tăng 30% svck năm trước nhưng nguồn thu này sụt giảm trong nhiều tháng gần đây.
- Bộ Công Thương: chỉ đạo các nhà máy lọc dầu trong nước tăng năng lực sản xuất và các thương nhân đầu mối tăng số lượng nhập khẩu ít nhất đến T6.2023.
- Bộ GTVT: yêu cầu khởi công toàn bộ 25 gói thầu dự án cao tốc Bắc-Nam giai đoạn 2 trước ngày 15/1/2023.
- Doanh nghiệp Việt Nam sẽ khảo sát tính khả thi phát triển nhà máy điện gió trên diện tích 2,687ha đất tại huyện Sepon, tỉnh Savannakhet, giáp Việt Nam, với công suất dự kiến 252MW.

THẾ GIỚI:

- Mỹ: PMI phi sản xuất ISM đã tăng lên 56.5 trong tháng 11 (kỳ vọng của thị trường là 53.5) và chỉ số hoạt động kinh doanh tăng từ 55.7 lên 64.7.
- Mỹ: dư nợ tín dụng tiêu dùng tháng 10 +27.1 tỷ USD, thấp hơn con số +28.3 tỷ USD dự kiến.
- Mỹ: đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu ghi nhận 230,000 trong tuần này, tăng so với con số 225,000 trước đó.
- Mỹ-EU: đang cân nhắc hàng rào thuế quan mới đối với nhôm và thép Trung Quốc trong một nỗ lực chống phát thải và tình trạng dư công suất trên toàn cầu.
- Trung Quốc: chính phủ ngày 7/12 đã ban hành kế hoạch 10 điểm nhằm “tối ưu hóa” nỗ lực ứng phó với đại dịch Covid-19, cân bằng giữa kiểm soát dịch bệnh và phát triển kinh tế xã hội.
- Trung Quốc: phát tín hiệu điều chỉnh chiến lược Zero Covid qua phát biểu của phó Thủ tướng Tôn Xuân Lan. Trung Quốc sẽ xem xét hạ cấp mức độ kiểm soát Covid.
- Eurozone: GDP Q3.2022 +0.3% QoQ. Trong đó chi tiêu hộ gia đình đóng góp 0.4% vào tăng trưởng GDP, chi tiêu từ chính phủ đóng góp không đáng kể.
- Eurozone: tỷ lệ PPI hàng tháng ở khu vực đồng euro ghi nhận -2.9% trong tháng 10, chấm dứt xu hướng tăng kể từ T5.2020.
- Anh: PMI xây dựng tháng 11 đạt 50.4, thấp hơn so với mức 52.0 dự kiến. Đây là mức thấp nhất trong 3 tháng qua do hoạt động kinh doanh bị đình trệ trong bối cảnh nhu cầu của khách hàng giảm.
- EU: 06 quốc gia Châu Âu, bao gồm Đức và Hà Lan, đã đặt giới hạn đồ cho trần giá khí đốt tự nhiên của Nga
- Canada: BoC đã nâng lãi suất thêm 0.5 điểm phần trăm, cụ thể nâng từ 3.75% lên 4.25%, mức cao nhất kể từ đầu năm 2008.
- Nhật Bản: GDP Q3.2022 -0.8% so với quý trước. Trong đó đóng góp từ tiêu dùng cá nhân +0.1%, đóng góp từ nhu cầu đầu tư nước ngoài -0.6%.
- Nga: việc bán dầu cho Trung Quốc với mức chiết khấu cao khiến việc áp trần giá dầu không hiệu quả.

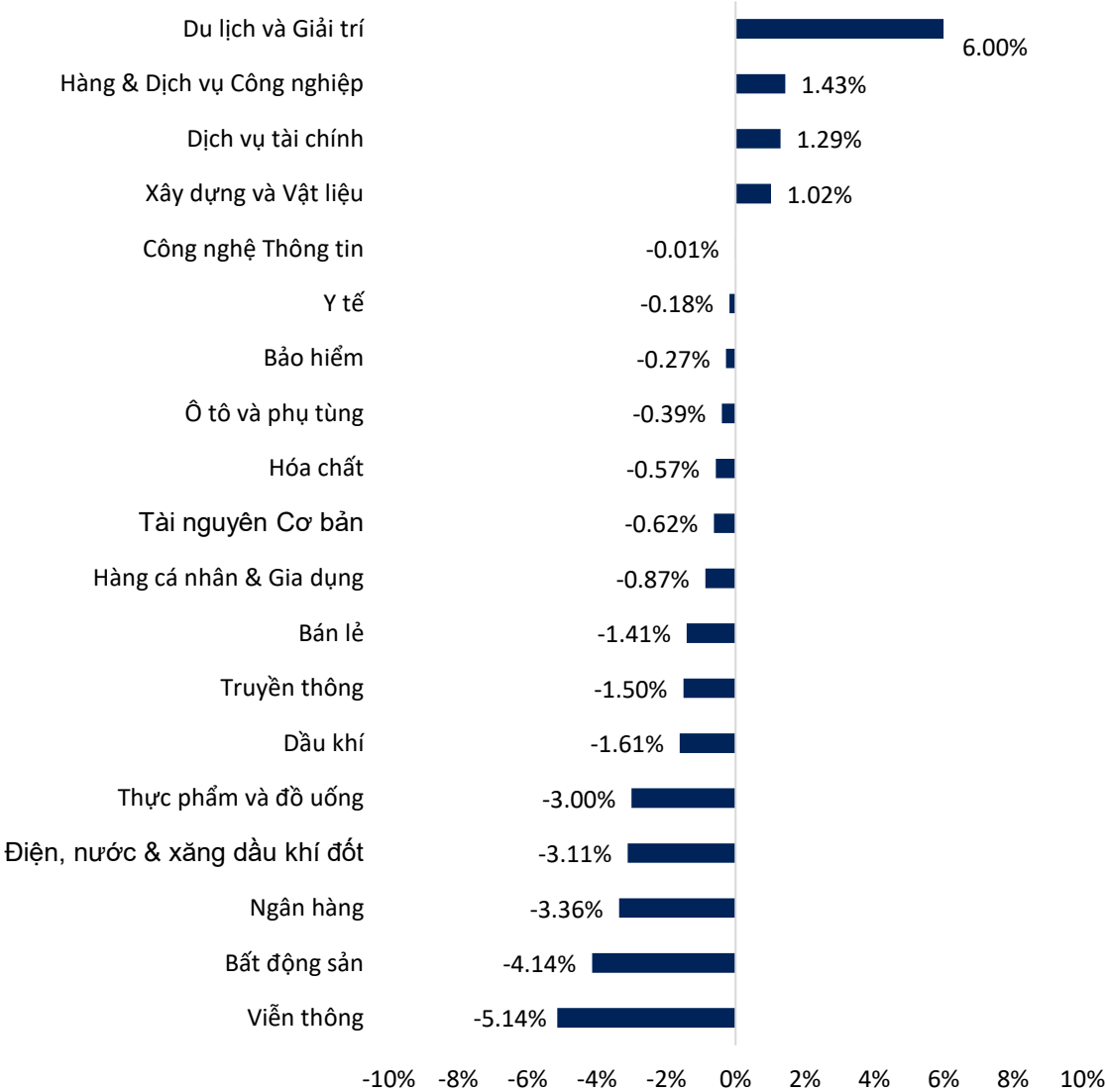
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Khối ngoại tiếp tục đẩy mạnh mua ròng. Dòng tiền luân chuyển tìm cơ hội qua các ngành và cổ phiếu
- Báo cáo lạm phát tháng 11 và cuộc họp chính sách tháng 12 của FED
- Ngày 12/12, Chỉ số sản xuất công nghiệp, PMI, GDP Anh; FDI Trung Quốc. 13/12, Biên bản chính sách tiền và Chủ tịch BOE phát biểu; CPI Hoa Kỳ. 14/12, CPI Anh; Chỉ số công nghiệp EU; Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 15/12, Lãi suất FED, biên bản FOMC; GDP New Zealand; Tỷ lệ thất nghiệp Australia, Trung Quốc; Lãi suất và chính sách tiền tệ NHTW Thụy Sĩ, BOE và ECB; Doanh thu bán lẻ Hoa Kỳ. 16/12, PMI Anh, EU, Hoa Kỳ; CPI lần cuối EU.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Du lịch và Giải trí	4.60%	6.00%	10.74%	HVN	10.33%	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.70%	1.43%	8.36%	GDM	1.38%	VSC -0.16%
Dịch vụ tài chính	-0.31%	1.29%	19.09%	SSI	4.11%	HCM -1.12%
Xây dựng và Vật liệu	2.14%	1.02%	9.40%	CTD	-0.81%	HT1 4.85%
Công nghệ Thông tin	1.07%	-0.01%	5.57%	FPT	0.78%	CMG -4.76%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	71.02	-0.62%	-11.20%	-19.30%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	76.10	-0.07%	-11.07%	-16.57%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	205.61	0.34%	-9.84%	-19.82%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,797.32	0.46%	-0.02%	5.31%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	23.47	1.77%	1.44%	11.50%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,483.75	-0.17%	3.15%	2.58%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	734.25	-1.61%	-3.52%	-13.36%		AFX
Sữa	USD/cwt	20.50	0.59%	1.03%	-2.24%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	230.00	1.01%	6.14%	4.93%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	19.60	-0.41%	0.62%	3.16%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	158.15	-0.35%	-2.74%	-3.66%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8,543.00	0.00%	1.10%	5.41%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3,909.00	2.46%	2.46%	10.05%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,480.50	-0.90%	-2.55%	6.96%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	809.00	3.98%	3.98%	22.02%		HPG
Than đá	USD/MT	372.50	0.68%	-0.89%	26.77%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	575.56	1.96%	1.96%	15.55%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
STB	7.43%	0.73
VJC	4.69%	0.68
HVN	10.33%	0.61
LPB	12.76%	0.58
VND	11.51%	0.49
KBC	9.95%	0.41
SSI	4.11%	0.30
VGC	6.27%	0.28
EIB	3.72%	0.25
BHN	8.06%	0.22
Tổng		4.55

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VCB	-9.06%	-9.15
NVL	-30.04%	-3.50
VHM	-5.42%	-3.39
BID	-4.85%	-2.54
GAS	-4.68%	-2.50
MSN	-6.64%	-2.47
VNM	-4.76%	-2.10
VRE	-8.40%	-1.55
VIC	-1.45%	-0.96
MBB	-3.19%	-0.68
Tổng		-28.82

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VIC	639.72	#N/A N/A
VHM	525.56	24.08
SSI	441.93	40.43
FUEVFN	432.63	
STB	407.22	25.86
HPG	307.20	21.25
CTG	176.60	27.57
DGC	156.70	15.64
KDH	146.54	37.44
DXG	131.75	25.13
Tổng	3,365.83	

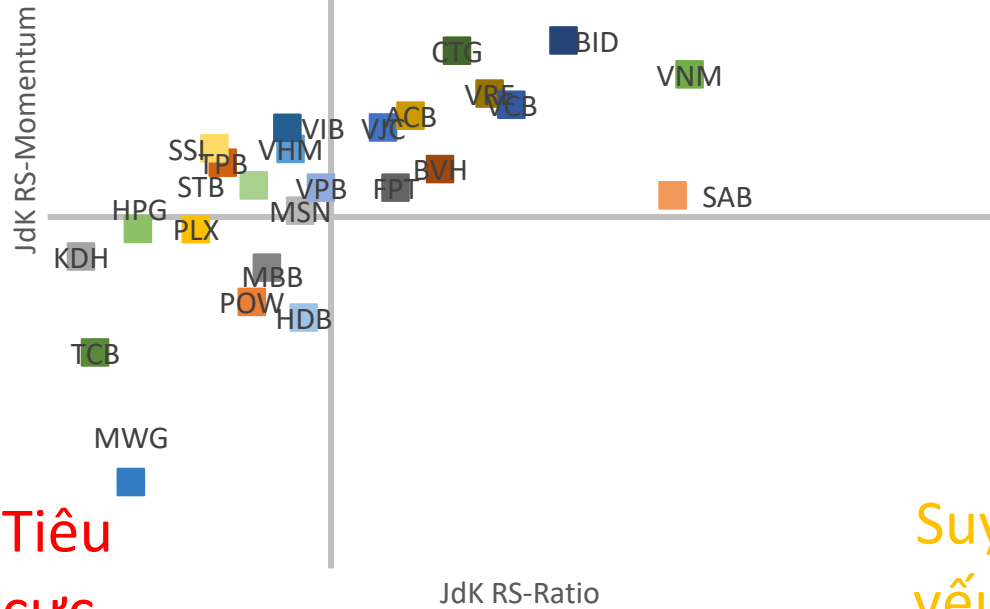
Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VCB	-134.41	23.63
PDR	-82.50	4.86
BID	-57.16	17.20
VRE	-51.17	33.18
GAS	-27.20	2.98
DCM	-20.54	12.03
VSC	-16.01	4.30
HNG	-13.41	1.87
IJC	-8.89	6.51
DXS	-7.84	
Tổng	-419.12	

Vận động cổ phiếu VN30			
VJC	102.7662	102.5388	-3.63%
VNM	118.9927	104.0518	8.11%
BVH	105.7899	101.3563	-11.79%
FPT	103.4251	100.8283	-5.45%
VRE	108.4114	103.5063	-3.18%
BID	112.3218	105.0138	17.37%
CTG	106.6811	104.7238	19.36%
SAB	118.0974	100.609	-3.78%
VIC	104.4251	107.8455	9.35%
ACB	104.2239	102.8757	3.83%
VCB	109.5606	103.1848	3.07%
GAS	111.7652	101.7291	-6.69%
VHM	97.87724	101.9288	-9.23%
VIB	97.71036	102.5319	-7.10%
MSN	98.38147	100.1668	-9.94%
TPB	94.28732	101.539	-9.64%
SSI	93.85112	101.9434	-4.26%
VPB	99.48628	100.8231	-17.02%
STB	95.93158	100.8902	-0.22%
POW	95.8261	97.57641	-21.40%
KDH	86.78008	98.86453	-11.36%
PLX	92.86033	99.64709	-12.21%
PDR	79.50885	84.33175	-67.26%
NVL	82.17544	81.2605	-80.73%
HPG	89.79651	99.65165	-16.52%
MWG	89.42337	92.45119	-32.06%
MBB	96.61914	98.55375	-16.51%
TCB	87.53601	96.14093	-21.53%
HDB	98.57716	97.13043	-10.45%
GVR	81.11082	91.4737	-32.82%

Hồi
phục

CP VN30 vs. VN-Index

Tích
cực



Tiêu
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng



DANH MỤC ĐẦU TƯ CƠ BẢN

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	HSX	Mua	23.05	19.1	20.68%	24.4	5.86%	
2	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	85	74.7	13.79%	90	5.88%	Click
3	BCM	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	79.5	75	6.00%	94.2	18.49%	
4	BSR	Dầu khí	UPCOM	Mua	14.1	13.6	3.68%	18.7	32.62%	Click
5	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	51.2	37.7	35.81%	51.2	0.00%	Click
6	DBC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	15.7	10.6	48.11%	14.1	-10.19%	Click
7	DRC	Ô tô và linh kiện ô tô	HSX	Mua	21.45	17.1	25.44%	28	30.54%	
8	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	78	65.9	18.36%	84.6	8.46%	Click
9	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	73.6	59.8	23.08%	75.3	2.31%	
10	HND	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.2	12.2	8.20%	15.7	18.94%	
11	IDC	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HNX	Mua	37.10	29.00	27.93%	43.40	16.98%	
12	KBC	Bất động sản	HSX	Mua	23.75	16.7	42.22%	18.1	-23.79%	
13	LHG	Bất động sản	HSX	Mua	22	19	14.02%	24	9.51%	
14	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	46.2	37.9	21.90%	50.3	8.87%	Click
15	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	111.9	94.1	18.92%	118.9	6.26%	Click
16	POW	Các dịch vụ hạ tầng	HSX	Mua	11.2	10.45	7.18%	13	16.07%	
17	PVD	Dầu khí	HSX	Mua	16.85	13.6	23.90%	19.7	16.91%	Click
18	PVS	Dầu khí	HNX	Mua	23	19.1	20.42%	28	21.74%	
19	PVT	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	19.8	17.5	13.14%	24.3	22.73%	
20	QTP	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.3	12	10.83%	16	20.30%	
21	REE	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	80	70.2	13.96%	86	7.50%	
22	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	77.3	75	3.07%	90.3	16.82%	
23	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	38.9	34.9	11.46%	48	23.39%	
24	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	70	74.9	-6.54%	87.2	24.57%	Click
25	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	80	77	3.90%	85.9	7.38%	
26	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	28.9	25	15.60%	31.8	10.03%	

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

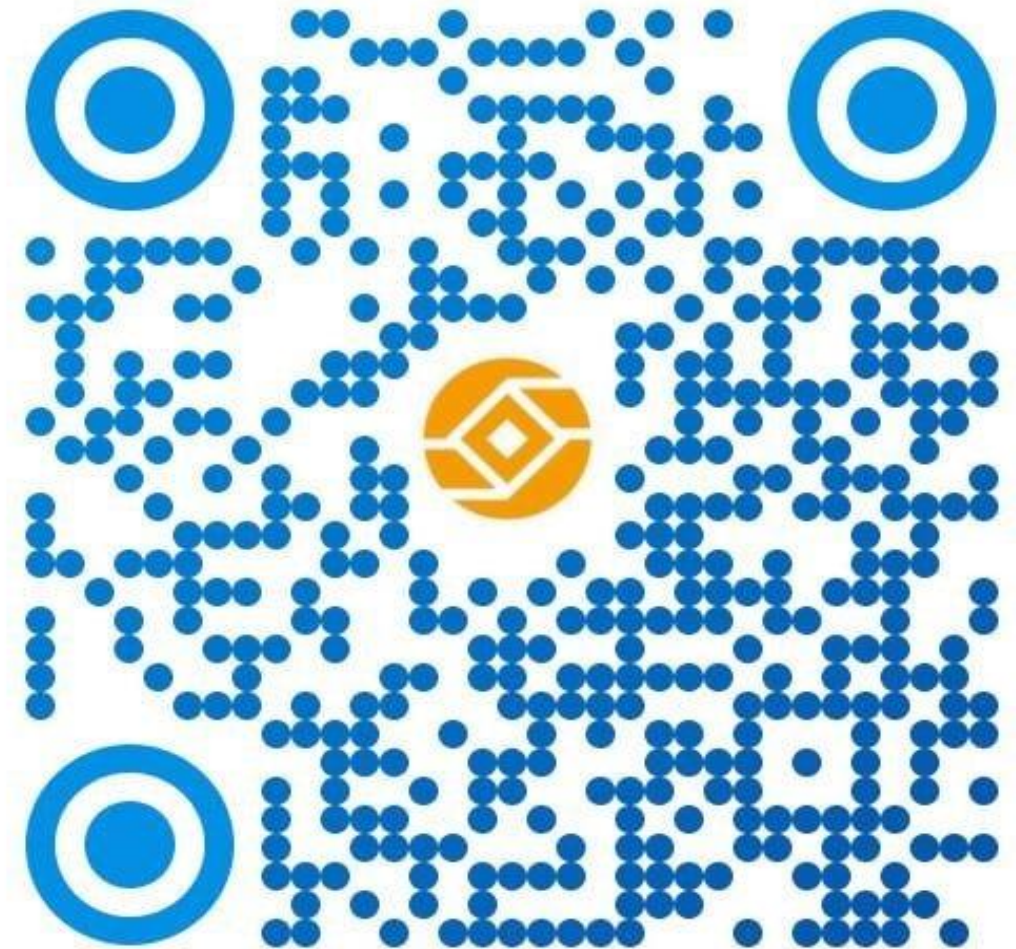
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký

